

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
(Áp dụng cho khóa tuyển sinh 2019)

NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ - DU LỊCH)
TÊN TIẾNG ANH: VIETNAMESE STUDIES (MAJOR CULTURE AND
TOURISM)

MÃ SỐ: 7310630

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Đà Nẵng, 2019

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iii
Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo.....	4
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	5
1.3. Triết lý giáo dục	5
1.4. Mục tiêu đào tạo	7
1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.....	7
1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	8
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	10
2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT	10
2.2 Sự tương thích giữa CĐR CTĐT VNH 2019 so với khung năng lực trình độ quốc gia và các CTĐT khác.....	14
PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	16
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	16
3.2. Khung chương trình dạy học.....	17
3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo	20
3.3. Phương pháp dạy và học, kiểm tra và đánh giá	21
PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN	26
4.1. Chuẩn đầu ra của học phần	26
4.2. Tóm tắt nội dung các học phần	36

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CDR	: Chuẩn đầu ra
CT	: Chương trình
CTDH	: Chương trình dạy học
CTĐT	: Chương trình đào tạo
ĐH	: Đại học
ĐHĐN	: Đại học Đà Nẵng
ĐHSP	: Đại học Sư phạm
GDĐH	: Giáo dục đại học
GV	: Giảng viên
GVHD	: Giảng viên hướng dẫn
HP	: Học phần
MT	: Mục tiêu
PI	: Chỉ số năng lực (performance indicators)
PLO	: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
SV	: Sinh viên
SVTN	: Sinh viên tốt nghiệp
TC	: Tín chỉ
TLTK	: Tài liệu tham khảo
VNH	: Việt Nam học

Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) Việt Nam học (Chuyên ngành văn hóa - du lịch) được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số ngày tháng năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở rà soát, điều chỉnh và cải tiến chương trình Việt Nam học ban hành năm 2017.

Quá trình rà soát chương trình được tiến hành một cách đồng bộ và toàn diện. Trên cơ sở khảo sát ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, nhà quản lý, người sử dụng lao động, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình từng bước được hoàn thiện đặt cơ sở để tiến hành rà soát hoàn chỉnh khung chương trình, kế hoạch đào tạo của chương trình đào tạo Việt Nam học năm 2019. Việc xem xét xác định các học phần, thời lượng học phần để đưa vào khung chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch giảng dạy được tiến hành một cách cụ thể và từng bước được hoàn thiện. Đặc biệt là sau khi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác, của các trường trên thế giới và tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhiều học phần mới đã được bổ sung vào chương trình đào tạo, thời lượng các học phần, nội dung giảng dạy các học phần trong chương trình đã được xác định lại nhằm đảm bảo trang bị cho sinh viên những kiến thức, năng lực, phẩm chất cơ bản, đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu nguồn nhân lực văn hóa, du lịch của xã hội.

Chương trình đào tạo Việt Nam học được xây dựng và quản lý bởi Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng - Một đơn vị giáo dục có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong việc đào tạo sinh viên sư phạm.

Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tiền thân là Ban Sử - Địa - Tâm lý Giáo dục được thành lập vào ngày 03/11/1976. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển với nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi, ngày 07 tháng 01 năm 2005, Giám đốc Đại học Đà Nẵng đã ban hành quyết định thành lập Khoa Lịch sử trên cơ sở tách ra từ Khoa Sử - Địa trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Từ đó đến nay Khoa đã đào tạo được hơn 45 khoá Cao đẳng sư phạm, Đại học hệ chính quy và vừa học vừa làm, với trên 2000 sinh viên tốt nghiệp ra trường hiện đang phục vụ trên khắp mọi miền Tổ quốc.

Khoa hiện đang quản lý 4 ngành đào tạo đại học là Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Lịch sử và Địa lí, Lịch sử, Việt Nam học và Việt Nam học Chất lượng cao; 2 ngành đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ là Lịch sử Việt Nam và Việt Nam học.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới của các ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ

sở vật chất của Khoa ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cao. Hiện nay, đội ngũ đào tạo của Khoa Lịch sử là 12 người, trong đó có 01 phó giáo sư, 5 tiến sĩ, 3 nghiên cứu sinh, 4 thạc sĩ. Các giảng viên trong khoa đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp trường và các Dự án trọng điểm của Bộ Giáo dục & Đào tạo, cùng với các phó giáo sư - tiến sĩ thuộc chuyên ngành Giáo dục học của Trường Đại học Sư phạm, Khoa Lịch sử đã có một đội ngũ giảng viên cơ hữu có đủ năng lực để xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình, bài giảng, hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Thông tin
1	Tên ngành đào tạo	Việt Nam học
2	Mã ngành đào tạo	Vietnamese studies
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Việt)	Cử nhân Việt Nam học
5	Tên văn bằng tốt nghiệp (Tiếng Anh)	Vietnamese studies
6	Hình thức đào tạo	Chính quy, tập trung
7	Thời gian đào tạo	04 năm (08 học kỳ)
8	Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Việt
9	Đơn vị đào tạo	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
10	Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
11	Website	https://ued.udn.vn/
12	Cập nhật ngày	31/07/2019

1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục & đào tạo. Ở các trường đại học, việc xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ GD&ĐT đúng đắn.

Trường Đại học sư phạm – ĐHDN với triết lý giáo dục: “**Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệm**”, hướng tới mục tiêu đào tạo con người toàn diện, có trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng, phát huy năng lực, bản lĩnh của mình trong lĩnh vực chuyên môn và đời sống xã hội; không ngừng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo. Cụ thể:

- **Giáo dục toàn diện:** Toàn diện được hiểu là tất cả các mặt, các khía cạnh và GD toàn diện chính là quá trình truyền thụ những tri thức, những kinh nghiệm, những kỹ năng... đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế cho người học đi vào cuộc sống lao động tự lập, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Từ đó hướng tới việc sản

phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Để thực hiện triết lý về giáo dục toàn diện, nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện cho SV.

- **Giáo dục khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Với triết lý giáo dục khai phóng, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đang đi theo xu hướng của tiếp cận giáo dục hiệu đại và hiệu quả các các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Giáo dục khai phóng tạo ra thế hệ SV không chỉ vững về tri thức chuyên môn mà còn có các kỹ năng của công dân toàn cầu để thích ứng, giải quyết vấn đề hiệu quả, vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

- **Giáo dục sáng tạo:** Giáo dục hướng tới hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người học. Sáng tạo được coi là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học, hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học thông qua các hoạt động nghiên cứu và triển khai áp dụng các nghiên cứu vào thực tế đời sống.

Để thực hiện triết lý giáo dục sáng tạo nhà trường cần thực hiện: (1) Thiết lập môi trường giáo dục khuyến khích, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát huy, phát triển năng lực sáng tạo của người học; (2) SV được trang bị tri thức và kỹ năng của Sáng tạo học, Phương pháp luận sáng tạo từ đơn giản đến phức tạp phù hợp; 3/ Nội dung chương trình đào tạo các ngành và nội dung các môn học được soạn theo hướng kích thích tư duy sáng tạo với những câu hỏi sáng tạo phù hợp với trình độ của người học; 4/ Giảng viên: truyền cảm hứng sáng tạo, đam mê sáng tạo và gợi mở tư duy sáng tạo cho người học ở những môn học phù hợp; 5/ Tri thức, kỹ năng, công nghệ truyền cho người học với quan điểm: mọi tri thức, kỹ năng, công nghệ được truyền dạy đều tồn tại những hạn chế, thiếu sót, chưa đầy đủ. 6/ Đánh giá kết quả giáo dục hướng tới việc đánh giá khả năng sáng tạo, vận dụng của SV trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp hướng tới.

- **Giáo dục thực nghiệp:** Giáo dục hướng tới hình thành khả năng thực hành, vận dụng thực tiễn, hiệu quả những kiến thức được tiếp cận từ nhà trường trong quá trình học tập và làm việc sau tốt nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp giúp cụ thể hóa và thực hiện nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành”; “giáo dục gắn liền với lao động sản xuất”

Để thực hiện triết lý giáo dục thực nghiệp nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp tại các cơ sở lao động thực tiễn; nội dung các môn học trong chương trình đào tạo cần bám sát yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội và nghề nghiệp; sử dụng các chiến lược dạy học, phương pháp dạy học tích cực hướng tới hình thành các năng lực để áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghề

nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp chú trọng đến chất lượng đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng hoạt động của người học làm thước đo.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có lý tưởng XHCN, yêu nước, yêu ngành yêu nghề, có lương tâm và đạo đức....

- Có kiến thức toàn diện, hệ thống và sâu rộng về đất nước và con người Việt Nam, đặc biệt là những kiến thức về văn hoá và du lịch.

- Có năng lực cao đảm bảo yêu cầu của công tác văn hoá và du lịch trên đất nước Việt Nam, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp văn hoá - du lịch của đất nước. Có kỹ năng tự đổi mới, tự bổ túc, tự tìm hiểu, nghiên cứu để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội.

- Người có bằng cử nhân Việt Nam học (Chuyên ngành Văn hoá - Du lịch) có thể làm công tác giảng dạy Văn hoá - Du lịch tại các trường Trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; hoặc có thể công tác tại các Cơ quan, trung tâm văn hoá, các cơ quan đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến các kiến thức về văn hoá - du lịch, hoặc có thể làm việc trực tiếp tại các công ty du lịch, lễ hành với tư cách là người điều hành, quản lý hoặc hướng dẫn viên du lịch...

1.4.2 Mục tiêu cụ thể

** Phẩm chất đạo đức:*

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam.

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật cao; có tác phong phù hợp với cơ chế đời sống công nghiệp, hiện đại và có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo tổ hoặc nhóm.

** Kiến thức:*

- Có hiểu biết và nhận thức được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo;

- Có các kiến thức về an ninh quốc phòng, kiến thức về giáo dục thể chất, đảm bảo sức khoẻ để công tác, phục vụ Tổ quốc.

- Có trình độ tiếng Anh theo qui định hiện hành;

- Có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan;

- Có hiểu biết căn bản về kiến thức cơ sở của ngành: Cơ sở văn hóa Việt Nam, nhập môn khoa học du lịch...

- Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực Văn hóa và du lịch như văn hóa làng xã, văn hóa ẩm thực, phong tục, tập quán, lễ hội, văn học Việt Nam, văn hóa Đông Nam Á, văn hóa phương Đông và phương Tây nhìn từ sự đối sánh, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề, văn hóa du lịch, tài nguyên du lịch, thị trường du lịch, kinh tế du lịch, văn hóa du lịch...

* *Kỹ năng:*

- Có những kỹ năng cơ bản thực hành nghiệp vụ của nghề sau này như những kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ khách sạn, nghiệp vụ nhà hàng...

- Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.

- Có phương pháp làm việc khoa học, biết giải quyết những vấn đề mới cũng như những thực tiễn đặt ra trong quá trình công tác; từ đó đúc rút được những kinh nghiệm thiết thực, hình thành năng lực tư duy có tính sáng tạo, linh hoạt.

1.5. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử có thể làm các công việc:

- Làm việc tại các Sở, ban ngành cấp Tỉnh như: Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ban quản lý các dự án đầu tư xúc tiến và phát triển du lịch..

- Làm việc tại các Phòng cấp huyện: Phòng Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

- Làm việc tại các công ty, trung tâm có liên quan: Các công ty lữ hành, các khách sạn, các dự án bảo tồn và phát triển di tích văn hóa lịch sử.

- Làm việc cho các dự án liên quan đến lĩnh vực quy hoạch và phát triển du lịch...

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, THCN, THPT, các viện nghiên cứu...

1.6. Điều kiện nhập học, tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.6.1. Điều kiện nhập học

Theo điều 6 (Điều kiện tham gia tuyển sinh của thí sinh) của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành theo Thông tư số 05/2011/ TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và thi tuyển

1.6.2. Tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Chương trình được đào tạo theo học chế tín chỉ với các quy định về tổ chức đào tạo và điều kiện tốt nghiệp tuân theo *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-

BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc *Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về việc *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định bổ sung của Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm, bao gồm:*

- Chương trình được tổ chức đào tạo trong 4 năm học. Mỗi năm gồm 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài 2 học kỳ chính, nhà trường còn tổ chức thêm một học kỳ phụ để sinh viên có thể học vượt, học lại hoặc cải thiện điểm; mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

- Đối với những sinh viên bậc đại học hệ chính quy, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học theo Quy định chuẩn đầu ra tin học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng (*ban hành kèm theo Quyết định số 543/QĐ-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm*). Thông tin chi tiết được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=262>.

- Đối với những sinh viên theo học ngoại ngữ Tiếng Anh, để được công nhận tốt nghiệp sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra tương đương cấp độ B1 - Khung tham chiếu về trình độ ngoại ngữ chung châu Âu (Common European Framework of Reference for Languages - CEFR). Thông tin chi tiết về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và bảng tham chiếu quy đổi điểm các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế so với chuẩn B1 châu Âu được đăng tại <http://daotao.ued.udn.vn/?p=119> và <http://daotao.ued.udn.vn/?p=414>. Đối với sinh viên theo học các ngoại ngữ Khác phải đạt trình độ quy đổi tương đương với cấp độ Tiếng Anh trình độ B1.

- Điều kiện để sinh viên tốt nghiệp là:

+ Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc.

+ Đạt chuẩn đầu ra Tin học.

+ Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra và sự tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT Sư phạm Lịch sử

Dựa vào ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT VNH 2019 được xác định rõ ràng, phù hợp và có tính khả thi. SV sau khi hoàn thành CTĐT sẽ đạt được các năng lực tương ứng với 08 CĐR. Các CĐR thể hiện các mức độ cần đạt được khác nhau đối với kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm và thái độ (Bảng 1).

Bảng 1. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa MT, CĐR của CTĐT

Mục tiêu (MT)	CĐR CTĐT (CĐR)
<p>* MT1: Phẩm chất đạo đức:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, chấp hành chính sách và pháp luật Nhà nước Việt Nam.- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật cao; có tác phong phù hợp với cơ chế đời sống công nghiệp, hiện đại và có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo tổ hoặc nhóm	<p>* CĐR về phẩm chất đạo đức cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none">+ CĐR 37: Trung thực và công bằng.+ CĐR 38: Lễ độ và khiêm tốn.+ CĐR 39: Tiết kiệm và liêm chính.+ CĐR 40: Có tinh thần học tập và rèn luyện suốt đời, tôn trọng sự học.+ CĐR 41: Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, bạn bè và đồng nghiệp.+ CĐR 42: Tiên phong về mục đích và tầm nhìn trong cuộc sống, dám đương đầu với khó khăn - thử thách. <p>* CĐR về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none">+ CĐR 43: Có tác phong và hành vi chuyên nghiệp.+ CĐR 44: Có tính kiên nhẫn, khẩn trương và sẵn sàng cung cấp kết quả, tài xoay xử và linh động: có trách nhiệm với sản phẩm công việc của mình, tự tin – cam đảm và nhiệt tình hoàn thành sản phẩm dự kiến, thích nghi với sự thay đổi, tính sẵn sàng và khả năng làm việc độc lập, làm việc cởi mở với người khác và chịu khó nắm bắt nhiều quan điểm, sẵn sàng tiếp nhận phản hồi và phê bình, kịp thời cung cấp hồi đáp.+ CĐR 45: Có tinh thần phát huy sáng kiến và tính sẵn sàng quyết định khi còn có sự không chắc chắn: phát triển quá trình thực thi sáng kiến, dự đoán lợi ích và rủi ro khi quyết định hoặc thực hiện một hành động.+ CĐR 46: Biết cân bằng công việc và cuộc sống.+ CĐR 47: Trung thành với tổ chức. <p>* CĐR về phẩm chất đạo đức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none">+ CĐR 48: Có trách nhiệm với xã hội.+ CĐR 49: Tuân thủ luật pháp.+ CĐR 50: Có tính công bằng và tôn trọng sự đa dạng văn hóa.

	<p>+ CDR 51: Nhiệt tình tham gia công tác xã hội: có lòng trắc ẩn, tinh thần phê phán và bài trừ điều xấu. Trung thành với Tổ quốc.</p>
<p>* MT2: Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết và nhận thức được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh. - Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành đào tạo; - Có các kiến thức về an ninh quốc phòng, kiến thức về giáo dục thể chất, đảm bảo sức khỏe để công tác, phục vụ Tổ quốc. - Có trình độ tiếng Anh theo qui định hiện hành; - Có kiến thức tin học căn bản để có thể sử dụng thành thạo máy tính cùng một số phần mềm chuyên dụng nhằm hỗ trợ công việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức và các vấn đề liên quan; - Có hiểu biết căn bản về kiến thức cơ sở của ngành: Cơ sở văn hóa Việt Nam, nhập môn khoa học du lịch... - Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong lĩnh vực Văn hóa và du lịch như văn hóa làng xã, văn hóa ẩm thực, phong tục, tập quán, lễ hội, văn học Việt Nam, văn hóa Đông Nam Á, văn hóa phương Đông và phương Tây nhìn từ sự đối sánh, du lịch sinh thái, du lịch 	<p>* CDR về kiến thức về lí luận chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR1: Hiểu được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin. + CDR2: Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. <p>* CDR về kiến thức về tin học phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR 3: Nắm được lược sử hình thành & phát triển của ngành công nghệ thông tin nói chung và khoa học máy tính nói riêng; Phát biểu và giải thích được các kiến thức cơ bản và đại cương về lược sử công nghệ thông tin. + CDR 4: Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng: hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet. - CDR về kiến thức về ngoại ngữ: + CDR 5: Có khả năng giao tiếp và đọc hiểu văn bản tiếng bằng Tiếng Anh + CDR 6: Tiếng Anh đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu). - CDR về kiến thức về xã hội: + CDR 7: Hiểu cơ bản về môi trường tự nhiên, đặc thù kinh tế - xã hội vùng miền. + CDR 8: Hiểu và ý thức được trách nhiệm là công dân Việt Nam phải sống, học tập và làm việc theo pháp luật Việt Nam, đặc biệt quan tâm Luật Lao động. <p>* CDR về Kiến thức về giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR 9: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện, ngăn ngừa các chấn thương để củng cố và tăng cường sức khỏe. Sử dụng các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn đặc thù. Vận dụng những kỹ thuật, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao ngoại khóa cộng đồng. CDR 10: Hiểu được nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông

<p>làng nghề, văn hóa du lịch, tài nguyên du lịch, thị trường du lịch, kinh tế du lịch, văn hóa du lịch...</p>	<p>thường.</p> <p>* CDR về Kiến thức khối ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR 11: Nắm vững các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, văn học Việt Nam, tiếng Việt; biết vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành. + CDR 12: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn + CDR 13: Nắm vững một số tri thức đại cương về mỹ học, nhân học, âm nhạc; có khả năng vận dụng những tri thức đó vào học tập và nghiên cứu Việt Nam học. + CDR 14: Nắm vững những kiến thức cơ bản về tư tưởng, tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam, địa lý, địa danh Việt Nam... + CDR 15: Có khả năng phân tích, đánh giá những sự kiện lịch sử tiêu biểu của Việt Nam và thế giới <p>* CDR về kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR 16: Nắm vững kiến thức về văn hóa truyền thống của Việt Nam như: nghệ thuật biểu diễn, làng xã, mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam, thắng cảnh, văn hóa ẩm thực ... + CDR 17: Có khả năng phân tích được những yếu tố văn hóa đặc trưng của địa phương, văn hóa của các dân tộc thiểu số, văn hóa biển + CDR 18: Nắm vững những kiến thức cơ bản về một số hoạt động nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành như: nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ khách sạn, nghiệp vụ lữ hành...; có khả năng vận dụng sáng tạo trong các hoạt động cụ thể. + CDR 19: Vận dụng được các kiến thức về văn hóa, lịch sử, văn học, nghệ thuật... về Việt Nam để phục vụ cho công tác văn hóa, du lịch. + CDR 20: Nắm vững được kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành <p>* CDR về kiến thức chuyên ngành bổ trợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + CDR 21: Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành trong nghiên cứu khoa học. + CDR 22: Đáp ứng được các công việc của một cán bộ văn hóa, hướng dẫn viên du lịch, quản lý công ty du lịch, lữ hành, khách sạn nhà hàng... + CDR 23: Nắm vững các kỹ năng: làm việc nhóm, giao tiếp, đọc, thuyết trình và công bố công trình nghiên cứu khoa học.
--	---

	<p>+ CDR 24: Nắm vững được các phần mềm và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại để giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu, làm việc liên quan đến ngành và chuyên ngành đào tạo.</p> <p>+ CDR 25: Nhận thức được trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng pháp luật nhà nước.</p> <p>+ CDR 26: Nắm bắt được và tuân thủ các văn bản quy định liên quan đến ngành và chuyên ngành như: Luật Du lịch, tiêu chuẩn của ngành và các thông tư hiện hành.</p> <p>* CDR về kiến thức thực tập tốt nghiệp:</p> <p>+ CDR 27: Nhận diện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến Việt Nam học trong thực tiễn</p> <p>+ CDR 28: Nắm được kiến thức sâu về một mảng đề tài trong nghiên cứu Việt Nam học, các kỹ năng xử lý, nghiên cứu vấn đề, kỹ năng xây dựng đề cương và viết khóa luận tốt nghiệp.</p>
<p>* MT3: Kỹ năng:</p> <p>- Có những kỹ năng cơ bản thực hành nghiệp vụ của nghề sau này như những kỹ năng liên quan đến nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ khách sạn, nghiệp vụ nhà hàng...</p> <p>- Có kỹ năng thực hành các phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại, tổng hợp và chuyên ngành... tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với những vấn đề thực tiễn đặt ra có liên quan.</p> <p>- Có phương pháp làm việc khoa học, biết giải quyết những vấn đề mới cũng như những thực tiễn đặt ra trong quá trình công tác; từ đó đúc rút được những kinh nghiệm thiết thực, hình thành năng lực tư duy có tính sáng tạo, linh hoạt.</p>	<p>* CDR về kỹ năng cứng:</p> <p>+ CDR 29: Có kỹ năng tự nghiên cứu, học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên ngành.</p> <p>+ CDR 30: Biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp và khai thác thông tin, công nghệ mới.</p> <p>+ CDR 31: Có kỹ năng tư duy lập trình, lập kế hoạch, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề.</p> <p>+ CDR 32: Có năng lực sáng tạo, phát triển và thích nghi những thay đổi trong nghề nghiệp.</p> <p>* CDR về kỹ năng mềm:</p> <p>+ CDR 33: Có các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc cộng tác trong suốt quá trình học thông qua bài tập tiểu luận, thuyết trình nhóm, khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>+ CDR 34: Có kỹ năng phản biện, hùng biện, lãnh đạo, dẫn dắt nhóm và huy động sức mạnh tập thể.</p> <p>+ CDR 35: Có khả năng đương đầu với thách thức và rủi ro.</p> <p>+ CDR 36: Thích nghi đa văn hóa.</p>

Nhìn chung, CĐR CTĐT VNH 2019 thể hiện được tất cả các năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Căn cứ vào CĐR, nội dung các HP trong CTĐT được thiết kế gắn liền với mục đích đạt được CĐR của người học. Trong đó, người học sẽ đạt được các CĐR gắn liền với kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành thông qua khối kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các CĐR về kỹ năng, năng lực chuyên môn sẽ đạt được thông qua các hoạt động dạy và học ở các HP lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập, chuyên luận hoặc khóa luận tốt nghiệp. Người học tự chủ động hình thành năng lực ngoại ngữ và Tin học đáp ứng CĐR của Nhà trường. Ngoài ra, người học còn có thể đạt được các CĐR thông qua các hoạt động seminar, nghiên cứu khoa học, các hoạt động Đoàn - Thanh niên, hoạt động xã hội được tổ chức thường xuyên ở cấp Khoa và Trường.

2.2. Sự tương thích giữa CĐR CTĐT VNH 2019 so với khung năng lực trình độ quốc gia và các CTĐT VNH khác

CĐR CTĐT VNH 2019 thể hiện sự phù hợp với Khung năng lực trình độ quốc gia bậc Đại học ban hành trong Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 (Bảng 2; Bảng 3); trong đó, sự tương thích chặt chẽ được thể hiện ở các chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng cơ bản cần thiết cho việc phát triển bản thân. Bên cạnh đó CĐR CTĐT VNH 2019 cũng thể hiện sự tương thích với các CTĐT VNH của các cơ sở giáo dục đại học trong nước, ví dụ: ngành/chuyên ngành Sư phạm Lịch sử Trường ĐHSP -Đại học Huế.

Bảng 2. Ma trận đối sánh CĐR của CTĐT với Khung trình độ quốc gia bậc Đại học ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

KTĐ Quốc gia CĐR	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
CĐR 1 – 2		X			X									X	
CĐR 3 – 4			X										X		
CĐR 5 – 6										X	X				
CĐR 7 – 8				X		X						X	X	X	X
CĐR 9 – 10		X						X							
CĐR 11 – 15	X						X		X	X		X	X	X	X
CĐR 16 – 20	X						X		X	X		X	X	X	X
CĐR 21 – 26	X						X		X	X		X	X	X	X
CĐR 27 – 28	X		X	X		X	X		X	X		X	X	X	X

CĐR 29 – 32				X		X	X	X	X	X	X		X		X
CĐR 33 – 36				X		X	X	X	X	X	X		X		X
CĐR 37 – 41			X						X			X	X	X	X
CĐR 43 – 47			X						X			X	X	X	X
CĐR 48 – 52			X						X			X	X	X	X

Bảng 3. Mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg vào ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</p> <p>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</p> <p>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</p> <p>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</p>	<p>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</p> <p>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</p> <p>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</p> <p>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</p> <p>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</p> <p>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</p> <p>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</p> <p>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p>

PHẦN III: NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc của CTDH bao gồm 148 TC của 63 HP (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) được chia thành 03 khối kiến thức chính: khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở và ngành và kiến thức chuyên ngành hoặc nghiệp vụ. Trong đó:

- Khối kiến thức chung bao gồm 15 TC của 12 HP bắt buộc (tính cả các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) với các nội dung về tin học đại cương, pháp luật, chính trị, rèn luyện thể chất và an ninh quốc phòng. Khối kiến thức này hình thành một số kỹ năng cần thiết, cũng như ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội, đáp ứng các năng lực của PLO1, PLO8 (Bảng 1; Bảng 4).

- Khối kiến thức cơ sở và ngành bao gồm 61 TC của 23 HP bắt buộc (trong đó có 61 TC lý thuyết + 0 TC thực hành) với các kiến thức đại cương về văn hoá, nhân học, khảo cổ và chuyên ngành lịch sử. Ngoài ra, khối kiến thức cơ sở ngành còn cung cấp cái nhìn tổng quan về ngành VNH và phát triển một số kỹ năng của người học nhằm đáp ứng một số năng lực quan trọng trong các CĐR: PLO1 (Bảng 1; Bảng 4).

- Khối kiến thức chuyên ngành hoặc nghiệp vụ bao gồm 72 TC của 30 HP được chia thành: 20 HP bắt buộc với 38 TC (38 TC lý thuyết + 0 TC thực hành) và 10 HP tự chọn với 34 TC (28 TC lý thuyết + 6 TC thực hành). Nội dung của khối kiến thức này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu liên quan chuyên ngành VNH; từ đó hình thành cho người học các năng lực chuyên môn đáp ứng các CĐR: (Bảng 1; Bảng 4). Đặc biệt, người học sẽ được củng cố phần lớn các năng lực cần thiết và phát triển chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng nghiên cứu thông qua việc học tập học phần Khóa luận tốt nghiệp (Bảng 4).

Bảng 4. Cấu trúc phân bố các khối kiến thức trong CTDH.

Stt	Khối kiến thức	Số TC bắt buộc		Số TC tự chọn/ Tự chọn bắt buộc		Tổng số tín chỉ
		Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành	
1	Kiến thức chung*	14	1	0	0	15
2	Kiến thức cơ sở và ngành	61	0	0	0	61
3	Kiến thức chuyên ngành	38	0	28	0	66
4	Khóa luận tốt nghiệp	0		6**		6
5	Tổng số TC (Mục 1-3)	113	1	33	0	142
6	Tổng số TC (Mục 1-4)	114		34		148

Ghi chú: * Không tính các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

** Tổng số tín chỉ của Đồ án tốt nghiệp (0 TC) và Khóa luận tốt nghiệp (6 TC).

3.2. Khung chương trình dạy học

Khung CTDH được thể hiện dưới dạng cấu trúc bảng với các thông tin quan trọng của các HP được thiết kế cho mỗi khối kiến thức và dựa vào CDR CTĐT. Các thông tin HP bao gồm: Tên HP, Mã HP, Số TC, Loại HP (lý thuyết hoặc thực hành) nhằm phục vụ cho việc tổ chức thực hiện và quản lý quá trình đào tạo (Bảng 5).

Bảng 5. Khung chương trình dạy học của CTĐT VNH 2021

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/ t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	212 3 1902	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	0		
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0		
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0		
4	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0		
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
8	001 0 1265	<i>Giáo dục thể chất 1</i>	(1)	(0)	(0)	(1)		
9	001 0 1266	<i>Giáo dục thể chất 2</i>	(1)	(0)	(0)	(1)		
10	001 0 1267	<i>Giáo dục thể chất 3</i>	(1)	(0)	(0)	(1)		
11	001 0 1268	<i>Giáo dục thể chất 4</i>	(1)	(0)	(0)	(1)		
12	002 0 1264	<i>Giáo dục quốc phòng</i>	(4t)					
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	0	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH						
13	318 2 1132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	2	2	0	0		
14	317 3 1879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	3	3	0	0		
15	317 3 1420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	3	0	0		
16	318 3 1424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0	0		
17	318 2 1416	Lịch sử thế giới đại cương	2	2	0	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/ t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
18	318 2 1078	Cơ sở khảo cổ học	2	2	0	0		
19	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0	0		
20	316 2 1405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	2	0	0		
21	318 2 1410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0	0		
22	318 3 1888	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0	0		
23	318 3 1561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	3	3	0	0		
24	318 3 1943	Văn hoá Chăm-pa	3	3	0	0		
25	318 3 1946	Văn hóa du lịch	3	3	0	0		
26	318 3 1939	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	3	3	0	0		
27	318 2 1945	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0	0		
28	317 2 1949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	2	2	0	0		
29	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0		
30	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0		
31	318 2 1676	Thực tế chuyên môn 1	2	2	0	0		
32	318 2 1850	Thực tế chuyên môn 2	2	2	0	0		
33	318 2 1359	Kiến tập chuyên môn	2	2	0	0		
34	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	3	0	0		
35	316 2 1741	Thể chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	2	0	0		
36	319 3 1191	Địa lý Việt Nam	3	3	0	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	61	61	0	0		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ						
37	318 2 1505	Nhập môn khoa học du lịch	2	2	0	0		
38	318 2 1592	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	2	0	0		
39	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0	0		
40	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0		
41	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
42	319 2 1431	Luật Du lịch	2	2	0	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/ t.quyết	Khoa Giảng dạy
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
43	319 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	0		
44	318 3 1457	Marketing du lịch	2	2	0	0		
45	319 2 1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	2	0	0		
46	318 4 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	0	0		
47	318 2 1898	Tổ chức sự kiện	2	2	0	0		
48	320 3 1073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3	3	0	0		
49	318 2 1075	Nghiệp vụ nhà hàng	2	2	0	0		
50	318 3 1488	Nghiệp vụ khách sạn	3	3	0	0		
51	318 3 1155	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	3	0	0		
52	318 2 1156	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2	2	0	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	38	38	0	0		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN						
53	318 2 1409	<i>Lịch sử kiến trúc Việt Nam</i>	3	3	0	0		
54	318 3 1418	<i>Lịch sử tư tưởng phương Đông</i>	3	3	0	0		
55	318 2 1551	<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	2	2	0	0		
56	318 2 1749	<i>Thị trường du lịch</i>	2	2	0	0		
57	318 3 1221	<i>Du lịch làng nghề</i>	3	3	0	0		
58	319 3 1222	<i>Du lịch sinh thái</i>	3	3	0	0		
59	318 3 1037	<i>Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam</i>	3	3	0	0		
60	319 3 1169	<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	3	3	0	0		
61	318 3 1941	<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	3	3	0	0		
62	318 3 1944	<i>Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	3	3	0	0		
63	303 6 1338	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6	0	0	6		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	34	28	0	6		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			148					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			114					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			16					

3.2. Kế hoạch tổ chức đào tạo

CTDH được tổ chức thực hiện theo các quy định liên quan đến tổ chức đào tạo hiện hành được áp dụng tại Trường ĐHSP – ĐHĐN: Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ đại học, chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP của Hiệu trưởng Trường ĐHSP- ĐHĐN, và các quy định khác của ĐHĐN. CTDH được tổ chức đào tạo trong 04 năm tương ứng với 08 học kì (Bảng 6). Việc bố trí các HP vào các học kì được thực hiện theo nguyên tắc “Phát triển các kiến thức và kỹ năng của người học theo thời gian” (Hình 1; Hình 2) và đảm bảo “Phân phối thời lượng nội dung hợp lí ở từng học kì”.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2019, 2020

BẠC: Đại học

NGÀNH ĐÀO TẠO : Việt Nam học (4 năm)

KHOA: Lịch Sử (ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐT ngày của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-DHĐN)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/t.quyết	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
1	318 2 1505	Nhập môn Khoa học du lịch	2	2	0	0		
	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0		
	318 2 1416	Lịch sử thế giới đại cương	2	2	0	0		
	318 2 1132	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	2	2	0	0		
	318 3 1424	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	0	0		
	318 3 1939	Văn hoá âm thực Việt Nam	3	3	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			15	15	0	0		
2	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0		
	318 2 1078	Cơ sở khảo cổ học	2	2	0	0		
	318 2 1945	Văn hóa Đông Nam Á	3	3	0	0		
	320 3 1073	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	3	3	0	0		
	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	318 3 1221	Du lịch làng nghề	3	3	0	0		
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4)						
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			21	20	0	1		
3	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0		
	317 2 1949	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	2	2	0	0		
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
	318 2 1592	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	2	0	0		
	319 3 1191	Địa lý Việt Nam	3	3	0	0		
	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
	319 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	318 3 1944	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	3	3	0	0		
001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	19	0	0		
4	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0		
	318 4 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	4	0	0		
	318 3 1155	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	3	3	0	0		
	318 2 1676	Thực tế chuyên môn 1	2	2	0	0		
	318 3 1943	Văn hoá Champa	3	3	0	0		
	318 3 1561	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	3	3	0	0		
	318 2 1075	Nghiệp vụ nhà hàng	2	2	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	318 3 1941	Văn hóa biên đạo ở Việt Nam	3	3	0	0		
001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(0)	(1)			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			22	22	0	0		




HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần h.trước/L.quyết	Ghi chú	
			TC	LT	TH				
					L1	L2			
5	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0			
	318 3 1457	Marketing du lịch	2	2	0	0			
	318 3 1888	Tin ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	3	3	0	0			
	318 3 1488	Nghiep vụ khách sạn	3	3	0	0			
	318 2 1359	Kiến tập chuyên môn	2	2	0	0			
	317 2 1873	Tiếng Việt thực hành	2	2	0	0			
	318 2 1156	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	2	2	0	0			
	Học phần tự chọn:								
	318 3 1037	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam		3	3	0	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	19	0	0			
6	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0			
	319 2 1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	2	0	0			
	317 3 1420	Lịch sử văn học Việt Nam	3	3	0	0			
	318 3 1946	Văn hóa du lịch	3	3	0	0			
	318 2 1410	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0	0			
	316 2 1741	Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	2	2	0	0			
	318 2 1850	Thực tế chuyên môn 2	2	2	0	0			
	Học phần tự chọn:								
	319 3 1222	Du lịch sinh thái		3	3	0	0		
	318 2 1749	Thị trường du lịch		2	2	0	0		
319 3 1169	Địa danh học và địa danh Việt Nam		3	3	0	0			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			24	24	0	0			
7	317 3 1879	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	3	3	0	0			
	318 2 1898	Tổ chức sự kiện	2	2	0	0			
	316 2 1405	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	2	2	0	0			
	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0			
	319 2 1431	Luật Du lịch	2	2	0	0			
	Học phần tự chọn:								
	318 2 1551	Phát triển du lịch bền vững		2	2	0	0		
	318 2 1409	Lịch sử kiến trúc Việt Nam		3	3	0	0		
318 3 1418	Lịch sử tư tưởng phương Đông		3	3	0	0			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			19	19	0	0			
8	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	3	0	0			
	Học phần tự chọn:								
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp		6	0	0	6		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			9	3	0	6			

Ghi chú: - Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *
- Kiến tập cơ nhân: 01 tháng; Thực tập cơ nhân: 03 tháng

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc
Đạt chuẩn đầu ra Tin học
Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Duy Phương

TRƯỞNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PGS.TS. LÚU TRANG

3.3.1. Phương pháp dạy và học

Trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

Chương trình được thực hiện trên cơ sở đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực, tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học, sinh viên tự kiến tạo nên kiến thức của mình thông qua sự hướng dẫn hỗ trợ

của giảng viên. Trong khóa học sinh viên được thực tập môn học tại các trường THPT và THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập và tham gia xây dựng bài học ở nhà và trên lớp của sinh viên do các giáo viên đánh giá, còn có các bài kiểm tra chương, phần (có thể viết hoặc miệng). Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: kiểm tra và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học.

3.3.2. Phương pháp kiểm tra và đánh giá

Thực hiện theo *Quy định về Công tác học vụ* do Trường ban hành và *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*, ban hành theo Công văn số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác thực hợp nhất 2 văn bản: Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc đánh giá khóa luận được thực hiện theo quy trình của nhà trường

- Khóa luận phải được người hướng dẫn nhận xét và đồng ý cho bảo vệ trước khi trình lên Hội đồng chấm khóa luận.

- Trước khi bảo vệ, mỗi khóa luận có hai bản nhận xét và cho điểm của người hướng dẫn và người phản biện.

- Điểm đánh giá khóa luận là trung bình cộng các điểm của các thành viên Hội đồng chấm khóa luận (HĐ), của người phản biện (GVPB) và người hướng dẫn (GVHD) theo trọng số:

Điểm Tổng hợp = Điểm trung bình chung của GVHD x 2 + Điểm của GVPB x 2 + Điểm của các thành viên HĐ.

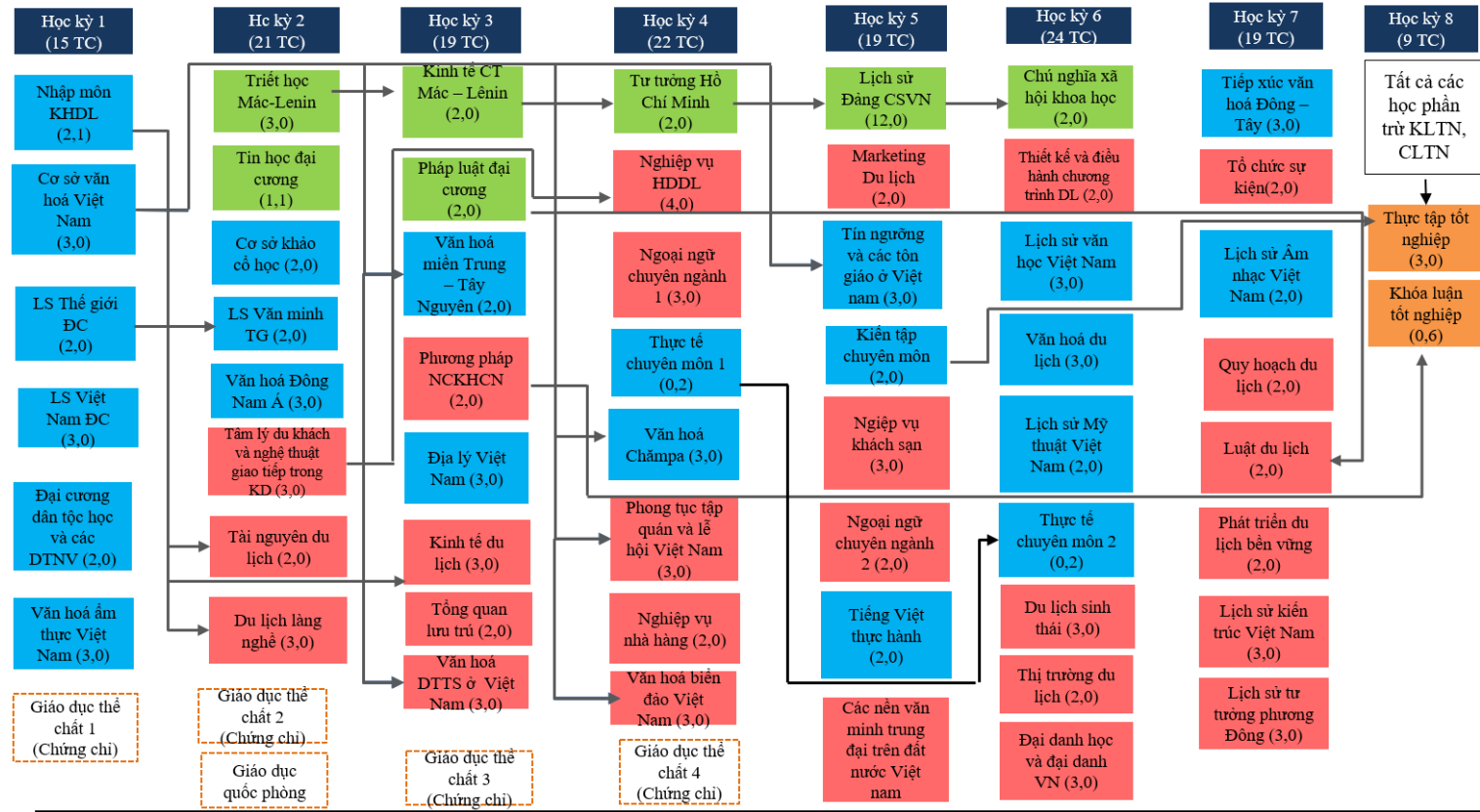
- Điểm của HĐ là điểm trung bình của tất cả thành viên Hội đồng có mặt trong buổi bảo vệ.

- Điểm của GVHD, GVPB và điểm trung bình của HĐ tính theo thang 10 và cho lẻ đến 0.25.

- Điểm tổng hợp của khóa luận được tính theo thang 10 và cho lẻ đến 1 số lẻ thập phân.

Các quy định, hướng dẫn thực tập và tất cả các biểu mẫu liên quan đến thực tập tuân theo Quyết định 94/QĐ-ĐT ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định Thực tập sư phạm - hệ chính quy, đào tạo theo tín chỉ theo mô hình trường thực hành sư phạm vệ tinh.

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học

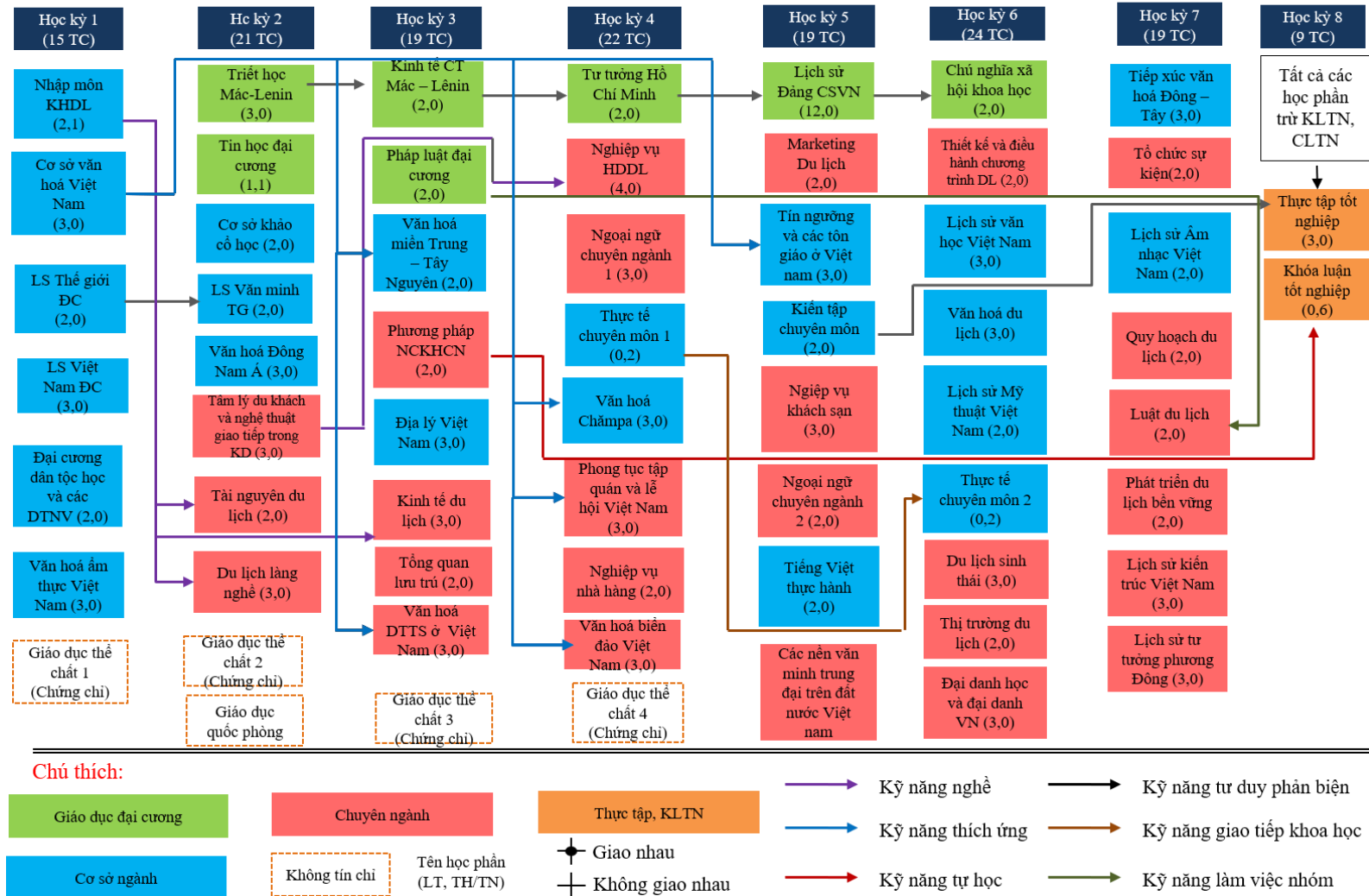


Chú thích:

Giáo dục đại cương	Chuyên ngành	Thực tập, KLTN	Không tín chỉ	→	Học trước	* Xem danh sách học phần học trước của các học phần Tự chọn trong Khung CTĐT
Cơ sở ngành		Tên học phần (LT, TH/TN)	✦ Giao nhau ✚ Không giao nhau			

Hình 1. Lộ trình giảng dạy và phát triển kiến thức trong chương trình dạy học

Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học



Hình 2. Lộ trình giảng dạy và phát triển kỹ năng trong chương trình dạy học

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA VÀ NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

4.1. Chuẩn đầu ra của học phần

Cấu trúc nội dung CTDH VNH 2019 bao gồm 59 HP, cả tự chọn lẫn bắt buộc. Các HP này là những yếu tố cơ bản đóng góp vào việc hình thành và phát triển các năng lực của người học đã được mô tả trong các CĐR CTĐT. Do đó, các năng lực mà người học cần đạt được ở mỗi HP cũng được xây dựng thành các CĐR học phần tương ứng. Các CĐR học phần được xây dựng trong CTDH VNH 2019 có các đặc trưng sau:

- Các năng lực được mô tả trong các CĐR học phần đều có khả năng đo lường được;
- Mức độ năng lực mô tả trong các CĐR học phần tương ứng với mức độ mô tả trong CĐR CTĐT;
- Nội dung của mỗi CĐR học phần đóng góp đến việc hình thành các PI từ 1-3 mức độ: T – mức độ thấp; TB - mức độ trung bình; và C – mức độ cao.

Sự liên kết giữa các HP và mức độ đóng góp của các HP đối với các CĐR của CTĐT được thể hiện thành ma trận ở Bảng 23.

Bảng 23. Ma trận thể hiện sự liên kết và mức độ đóng góp của HP đến chuẩn đầu ra và chỉ số năng lực của CTDH.

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG														
Triết học Mác - Lênin	C			TB							T	T	TB	TB
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	C			TB							T	T	TB	TB
Chủ nghĩa xã hội khoa học	C			TB							T	TB	TB	TB
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	C			TB							T	TB	TB	TB
Tư tưởng Hồ Chí Minh	C			TB							T	T	TB	TB
Tin học đại cương (Tin học CN1)		C	T	TB						C	T			
Pháp luật đại	C			TB							T	C	C	C

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52	
ương															
<i>Giáo dục thể chất 1</i>	C										T	T			
<i>Giáo dục thể chất 2</i>	C										T	T			
<i>Giáo dục thể chất 3</i>	C										T	T			
<i>Giáo dục thể chất 4</i>	C										T	T			
<i>Giáo dục quốc phòng</i>	C					C					T	T			
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH															
Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	T				TB		C						C	C	C

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	T			TB		C					T	C	C	C
Lịch sử văn học Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Lịch sử Việt Nam đại cương	T			TB		C						C	C	C
Lịch sử thế giới đại cương	T			TB		C						C	C	C
Cơ sở khảo cổ học	T			TB		C						C	C	C
Tiếng Việt thực hành				TB		C					T	C	C	C
Lịch sử âm nhạc Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	T			TB		C						C	C	C

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Văn hoá Chăm-pa	T			TB		C						C	C	C
Văn hóa du lịch	T			TB		C						TB	TB	TB
Văn hoá ẩm thực Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Văn hóa Đông Nam Á	T			TB		C						C	C	C
Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	T			TB		C						C	C	C
Lịch sử văn minh	T			TB		C						C	C	C

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR	CDR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
thế giới														
Cơ sở văn hóa Việt Nam	T			TB		C						C	C	C
Thực tế chuyên môn 1	TB			TB		C			C	C	C	C	C	C
Thực tế chuyên môn 2	TB			TB		C								
Kiến tập chuyên môn	TB	TB	TB	TB	TB	C	TB	TB	C	C	C	C	C	C
Thực tập tốt nghiệp	TB	TB	TB	TB	TB	C	TB	TB	C	C	C	C	C	C
Thẻ chế chính trị Việt Nam hiện đại	T					C						C	C	C
Địa lý Việt Nam	T					C						C	C	C
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ														

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
Nhập môn khoa học du lịch						TB	C				TB			
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành						TB	C			C				
Tài nguyên du lịch	T						C				C			
Quy hoạch du lịch	T						C				C			
Kinh tế du lịch	T						C				C			
Luật Du lịch	T						C			C	C	C	C	C
Tổng quan ngành lưu trú	T						C			C	C	C	C	C
Marketing du lịch	T						C			C	C	C	C	C
Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	T						C			C	C	C	C	C

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	T						C			C	C	C	C	C
Tổ chức sự kiện	T						C			C	C	C	C	C
Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	T						C			C	C	C	C	C
Nghiệp vụ nhà hàng							C			C	C	C	C	C
Nghiệp vụ khách sạn							C			C	C	C	C	C
Ngoại ngữ chuyên ngành 1			C				C			TB	TB			
Ngoại ngữ chuyên ngành 2			C				C			TB	TB			
HỌC PHẦN TỰ CHỌN														

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
<i>Lịch sử kiến trúc Việt Nam</i>	T			C				C				T	TB	TB
<i>Lịch sử tư tưởng phương Đông</i>	T			C				C				TB	T	TB
<i>Phát triển du lịch bền vững</i>	T			C				C		TB	TB	TB	T	T
<i>Thị trường du lịch</i>	T			C				C		TB	TB	T	T	TB
<i>Du lịch làng nghề</i>	T			C				C		TB	TB	TB	T	T
<i>Du lịch sinh thái</i>	T			C				C		TB	TB	TB	T	TB
<i>Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam</i>	T			C				C				T	T	TB
<i>Địa danh học và địa danh Việt Nam</i>	T			C				C				T	TB	T

CHUẨN ĐẦU RA TÊN HỌC PHẦN	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	1-2	3-4	5-6	7-8	9-10	11-15	16-20	21-26	27-28	29-32	33-36	37-41	43-47	48-52
<i>Văn hóa biển đảo ở Việt Nam</i>	T			C				C				TB	T	TB
<i>Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	T			C				C				T	TB	TB
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	TB	TB	TB	C	TB	TB	TB	C	C	C	C	C	C	C

Ghi chú: Các mức độ đóng góp của mỗi HP đến việc hình thành các PLO: T (Thấp) – mức độ thấp; TB (Trung bình) - mức độ trung bình; và C (cao) – mức độ cao được xác định theo mức độ nội dung.

4.2. Tóm tắt nội dung các học phần

TT	TÊN HỌC PHẦN	TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC	Học phần học trước
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					
1	Triết học Mác – Lênin	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2, trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.	21231902	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Qua nghiên cứu, học tập, sinh viên hiểu rõ những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay, cụ thể như: Hàng hóa, thị trường, cạnh tranh, độc quyền, các chủ thể và sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Học phần góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Trên cơ sở đó, người học biết đánh giá những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn liên quan đến những vấn đề kinh tế chính trị trong	21331901	2	

		phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của các trường đại học. Môn học trang bị cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên có cơ sở lý luận và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức đầy đủ hơn về Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối, chủ trương chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	31221903	2	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Nội dung chủ yếu của học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 – 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	21231904	2	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Là học phần bắt buộc trong chương trình của tất cả các ngành đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề	21321922	2	

		dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Đại đoàn kết dân tộc; về xây dựng nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới cùng với những sáng tạo về lý luận và thực tiễn trong quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN ở Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh.			
6	Tin học đại cương	Học phần Tin học đại cương được học ở năm thứ nhất đối với tất cả sinh viên các ngành không chuyên tin học. Để được học học phần này, sinh viên phải được công nhận đạt kết quả kiểm tra sát hạch đầu vào phần kiến thức và kỹ năng của tin học phổ thông. Học phần Tin học đại cương củng cố và cung cấp kiến thức tổng quan về công nghệ thông tin, máy tính và mạng máy tính; kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm thông dụng cơ bản trên máy tính cá nhân cũng như các thiết bị di động. Từ đó, sinh viên hiểu rõ các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông; sử dụng và làm chủ được các dịch vụ thông dụng trên môi trường Internet; tiếp cận với môi trường làm việc trực tuyến chuyên nghiệp với sự hỗ trợ của công nghệ hiện đại và biết cách đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và mạng máy tính. Học phần giúp sinh viên sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng với các tính năng nâng cao, cụ thể là các tính năng nâng cao của ba phần mềm thuộc bộ Microft Office là MicrosoftWord, MicrosoftExcel và MicrosoftPowerpoint.	31621885	2	
7	Pháp luật đại cương	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhà nước và pháp luật, như về nguồn gốc bản chất, chức năng, vai trò, hình thức, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời môn học giới thiệu một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật	31221549	2	

		dân sự và Luật tố tụng dân sự, Luật lao động, Luật hành chính và luật tố tụng hành chính, Luật hình sự và luật tố tụng hình sự, luật phòng chống tham nhũng. hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính			
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH					
8	Đại cương dân tộc học và các tộc người ở Việt Nam	Môn học <i>Dân tộc học</i> trình bày những vấn đề chung của ngành dân tộc học như vấn đề chủng tộc và mối quan hệ với dân tộc, văn hóa trên thế giới; vấn đề ngôn ngữ, ngữ hệ tộc người, các tiêu chí và các loại hình cộng đồng tộc người trên thế giới; một số vấn đề cơ bản của xã hội nguyên thủy; các hình thức tôn giáo sơ khai; những vấn đề cơ bản về các dân tộc Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.	318311879	2	
9	Tiếp xúc văn hoá Đông – Tây ở Việt Nam	Học phần Tiếp xúc, giao lưu văn hóa ở Việt Nam thời cổ trung đại hướng dẫn, giúp đỡ sinh viên nắm được quá trình giao lưu tiếp biến Đông - Tây thời cổ trung đại; sự tiếp xúc giao lưu văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam trong các thế kỷ XVI - XIX. Nội dung học phần bao gồm các nội dung về những lần tiếp xúc, giao lưu văn hóa lớn trên phạm vi thế giới, khu vực thời cổ trung đại, cận đại; ảnh hưởng văn hóa hóa Đông - Tây đối với văn hóa thế giới và mối liên hệ với Việt Nam; bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước, những con đường, diễn trình, các phương diện biểu hiện sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam; hệ quả, đặc điểm của về sự tiếp xúc, giao lưu văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam.	31731420	3	
10	Lịch sử văn học Việt Nam	Đây là học phần căn bản, có thể xem là nhập môn cho các ngành đào tạo cử nhân Khoa học xã hội - nhân văn nói chung. Sinh viên sẽ tìm thấy ở đây cấu trúc chung, những nét căn bản nhất của văn học Việt Nam trong tiến trình phát triển trên các phương diện chủ yếu như: tư tưởng thẩm mỹ, các thể loại tiêu biểu, các tác giả nổi bật... góp phần hình thành nên tư tưởng thẩm mỹ, nhân văn và hành trang tinh	31731420	3	

		thần của mỗi cá nhân. Chính vì tính chất nhập môn nên học phần chỉ tập trung những nét căn bản nhất, đặc trưng nhất của văn học Việt Nam.			
11	Lịch sử Việt Nam đại cương	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ, từ giai đoạn khởi thủy dưới thời nguyên thủy, qua thời Bắc thuộc, các triều đại phong kiến độc lập tự chủ, giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và công cuộc xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội; tiếp cận ở các khía cạnh chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Qua đó, rút ra những quy luật vận động và phát triển của lịch sử Việt Nam cũng như các bài học lịch sử liên hệ giải quyết các vấn đề cấp thiết ở VN hiện nay.	31831424	3	
12	Lịch sử thế giới đại cương	Học phần Lịch sử thế giới đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại từ nguồn gốc đến nay. Trên cơ sở kiến thức thu nhận được sẽ bồi dưỡng ở người học về thái độ phù hợp đối với những thành tựu của lịch sử nhân loại và hình thành các kỹ năng tương ứng. Học phần này được thiết kế ở khối kiến thức đại cương và chỉ giảng dạy học kỳ 1 năm thứ nhất đối với hai chuyên ngành là Sư phạm Giáo dục Chính trị và Cử nhân Việt Nam học.	31821416	2	
13	Cơ sở khảo cổ học	Nội dung môn học bao gồm: những tri thức cơ bản về Khảo cổ học gồm: khái niệm về Khảo cổ học, đối tượng nghiên cứu của Khảo cổ học; lịch sử Khảo cổ học; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu Khảo cổ học; lịch sử Khảo cổ học; các thời đại Khảo cổ học thế giới và Việt Nam.	31821078	2	
14	Tiếng Việt thực hành	<i>Tiếng Việt thực hành</i> là một môn khoa học ngôn ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về tiếng Việt và các kỹ năng thực hành văn bản tiếng Việt. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên cả khối ngành Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội và Nhân văn. Tùy theo thiết kế chương trình của mỗi khoa,	31721873	2	

		<p>mỗi chuyên ngành, môn học này có thể là môn học bắt buộc hoặc tự chọn; có thể bố trí ở bất kỳ học kỳ nào (từ học kỳ 1 đến học kỳ 8) trong chương trình đào tạo.</p> <p>Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về thực hành tiếng Việt theo 5 nhóm vấn đề chính: (1) Chính tả; (2) Dùng từ; (3) Đặt câu; (4) Viết đoạn văn; (5) Xây dựng văn bản.</p>			
15	Lịch sử âm nhạc Việt Nam	<p>Học phần Lịch sử âm nhạc Việt Nam nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về Âm nhạc Việt Nam qua các thời kỳ từ Âm nhạc buổi đầu dựng nước và giữ nước đến đầu thế kỷ XXI. Sinh viên sau khi học xong học phần Lịch sử âm nhạc Việt Nam sẽ nắm được những đặc điểm cơ bản trong các thể loại, bài bản cổ cũng như tác phẩm mới, phương thức tổ chức dàn nhạc, hòa tấu các nhạc cụ qua các thời kỳ.</p> <p>Nội dung môn học gồm 4 chương: chương 1 là Khái quát âm nhạc Việt Nam và lịch sử âm nhạc Việt Nam; chương 2 học về Âm nhạc buổi đầu dựng nước và giữ nước; chương 3 học về Âm nhạc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập tự chủ và bảo vệ đất nước chống những cuộc xâm lăng của phong kiến phương bắc; chương 4 học về Âm nhạc Việt Nam trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội.</p>	31621405	2	
16	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	<p><i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i> là một môn khoa học nghệ thuật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của mỹ thuật Việt Nam và thế giới qua các thời kỳ lịch sử. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, Việt Nam học, Văn hóa học, Địa lý du lịch.... Môn học này là môn học tự chọn; có thể bố trí ở bất kỳ học kỳ nào trong chương trình đào tạo.</p>	31821410	2	

		Môn học gồm 5 nhóm vấn đề chính: (1) Tìm hiểu mỹ thuật; (2) Mỹ thuật Phục Hưng Ý; (3) Tranh dân gian Việt Nam; (4) Lịch sử mỹ thuật cổ Việt Nam và thế giới; (5) Xu hướng mỹ thuật thời nay.			
17	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	<p>Học phần này bao gồm những nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm về tôn giáo, tín ngưỡng. Đi sâu vào một số tín ngưỡng phổ biến ở Việt Nam: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng và tín ngưỡng thờ Mẫu. - Trình bày các tôn giáo chính ở Việt Nam hiện nay, gồm một số tôn giáo ngoại nhập (Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, đạo Tin lành, Hồi giáo, Bàlamôn giáo) và một số tôn giáo bản địa (đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và một số đạo khác). Trong phần các tôn giáo ngoại nhập, học phần sẽ sơ lược qua về lịch sử hình thành và phát triển, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, tổ chức của các tôn giáo nói chung; sau đó đi sâu vào tìm hiểu về lịch sử du nhập và phát triển, những đặc điểm của các tôn giáo ngoại nhập này sau khi truyền bá vào Việt Nam. Trong phần các tôn giáo bản địa, học phần sẽ trình bày về lịch sử hình thành và phát triển, những nội dung chủ yếu về giáo lý, luật lệ, lễ nghi và tổ chức của hai tôn giáo: Cao Đài và Hòa Hảo, giới thiệu thêm về một số đạo bản địa khác ở Việt Nam. - Cuối cùng học phần sẽ trình bày một số đặc điểm chính trong tình hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, đề cập đến quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo (cụ thể là chính sách đối với tín đồ; đối với chức sắc, nhà tu hành tôn giáo; đối với tổ chức tôn giáo; đối với các hoạt động tôn giáo; đối với nơi thờ tự và tài sản của tổ chức tôn giáo; đối với hoạt động đối ngoại của các tổ chức tôn giáo). 	31831888	3	

18	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	Học phần trình bày những khái luận về phong tục, tập quán và lễ hội; giới thiệu một số phong tục, tập quán và lễ hội tiêu biểu của người Việt và của một số dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam.	31831561	3	
19	Văn hoá Chăm-pa	Môn học <i>Văn hóa Champa</i> trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa vương quốc cổ Chăm-pa, và không gian cư trú, đặc trưng văn hóa của cộng đồng dân tộc Chăm ở Việt Nam hiện nay.	31831943	3	
20	Văn hóa du lịch	<i>Văn hóa du lịch</i> là môn học cung cấp một cái nhìn toàn diện về khái niệm du lịch, văn hóa du lịch, mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, hệ thống các thành tố văn hóa du lịch Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính đa dạng của các loại hình du lịch Việt Nam. Môn học gồm 3 chương chính: (1) Dẫn luận du lịch và văn hóa du lịch; (2) Văn hóa trong hoạt động du lịch; (3) Du lịch văn hóa ở Việt Nam.	31831946	3	
21	Văn hoá ẩm thực Việt Nam	Học phần văn hóa ẩm thực Việt Nam trình bày cho sinh viên những kiến thức khái quát và bức tranh toàn cảnh của văn hóa ẩm thực Việt Nam, từ những vấn đề lí luận chung đến những hiện tượng văn hóa ẩm thực cụ thể. Đây là học phần bắt buộc của ngành văn hóa học, là học tự chọn hoặc bắt buộc của các ngành liên quan đến ngành du lịch.	318331939	3	
22	Văn hóa Đông Nam Á	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về điều kiện hình thành, diễn trình lịch sử và những thành tựu chủ yếu của văn hóa Đông Nam Á. Tiếp cận và hiểu được những điểm tương đồng, sự giao lưu, tiếp biến giữa các nền văn hóa Đông Nam Á.	31821945	3	
23	Văn hóa miền Trung - Tây Nguyên	Văn hóa miền Trung-Tây Nguyên là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về đặc điểm tự nhiên, lịch sử vùng đất, con người và văn hóa vùng miền Trung – Tây Nguyên của Việt Nam.	31721949	2	

24	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần kiến thức đại cương được giảng dạy cho một số chuyên ngành thuộc nhóm khoa học xã hội và nhân văn. Trong cấu tạo chương trình, học phần này là học phần tự chọn, hay bắt buộc tùy theo từng ngành học, được giảng dạy cho sinh viên năm 1, 2. Với học phần này, sinh viên được cung cấp những thành tựu cơ bản của sự phát triển văn minh nhân loại từ nền văn minh đầu tiên đến nay, đồng thời hình thành ở người học kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, thành tựu văn minh và các kỹ năng học tập khác tương ứng.	31831421	3	
25	Cơ sở văn hóa Việt Nam	<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, hệ thống các thành tố văn hóa Việt Nam và những đặc trưng của chúng, tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam. Môn học gồm 4 chương: (1) Văn hóa và cách tiếp cận văn hóa Việt Nam; (2) Diễn trình lịch sử văn hóa Việt Nam; (3) Các thành tố văn hóa Việt Nam; (4) Các sắc thái văn hóa địa phương và tộc người.	31731091	3	
26	Thực tế chuyên môn 1	Giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn những kiến thức về lịch sử - văn hóa và các hoạt động du lịch trên thực tế.	31821676	2	
	Thực tế chuyên môn 2	Giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn những kiến thức về lịch sử - văn hóa và các hoạt động du lịch trên thực tế.	31821850	2	
	Kiến tập chuyên môn	Trong thời gian tiến hành kiến tập chuyên môn, sinh viên phải thu thập đầy đủ và chi tiết các tài liệu cần thiết về địa điểm kiến tập.	31821359	2	
	Thực tập tốt nghiệp	Trong thời gian tiến hành thực tập tốt nghiệp, sinh viên phải thu thập đầy đủ và chi tiết các tài liệu cần thiết về địa điểm thực tập. Tham gia đầy đủ các hoạt động chuyên môn của đơn vị thực tập. Làm quen với công việc thực tế sau này	30331847	3	

Thế chế chính trị Việt Nam hiện đại	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng về thể chế chính trị Việt Nam hiện nay; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Vai trò và nguyên tắc hoạt động của thể chế chính trị nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước	31621741	2	
Địa lý Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên Việt Nam như: đặc điểm vị trí, giới hạn lãnh thổ, các thành phần tự nhiên, sự phân hóa của tự nhiên theo lãnh thổ và các vấn đề tự nhiên hiện nay. Cung cấp cho sinh viên có hệ thống các kiến thức chung về địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam như địa lý dân cư, dân số, các hình thức phân bố cũng các vấn đề dân cư hiện nay; địa lý các ngành kinh tế của Việt Nam; địa lý các vùng kinh tế của Việt Nam. Hình thành cho sinh viên có khả năng đánh giá về một số vấn đề về địa lý để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	31931191	3	
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ				
Nhập môn khoa học du lịch	Môn học <i>Nhập môn khoa học du lịch</i> cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm du lịch, du khách; về lịch sử hình thành và phát triển du lịch trên thế giới và Việt Nam; các loại hình du lịch, các điều kiện để phát triển du lịch; các phương pháp, kỹ năng nghiên cứu ngành khoa học du lịch.	31821505	2	
Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên	Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu chuyên ngành lịch sử, Việt Nam học. Trên cơ sở những tri thức mà người học đã được tiếp nhận trong phần thông sử cũng như các chuyên đề về lịch sử thuộc chương trình cử nhân, học phần tập trung vào một số nội dung cụ thể liên quan đến các phương pháp khác nhau được khai thác, vận dụng trong nghiên cứu khoa học	31821592	2	

	ngành	chuyên ngành.			
	Tài nguyên du lịch	<p>Môn học nghiên cứu tổng thể về nguồn tài nguyên du lịch và đặc điểm từng loại tài nguyên, các loại hình du lịch sẽ được hình thành dựa trên các tài nguyên đó. Ngoài ra, nội dung môn học giới thiệu tài nguyên của các vùng du lịch tại Việt Nam cũng như tiềm năng để khai thác các tài nguyên đó thành sản phẩm du lịch ở mỗi vùng. Môn học hình thành cho sinh viên kỹ năng đánh giá tiềm năng du lịch của các điểm tài nguyên và cách vận dụng các tài nguyên đó vào phát triển du lịch một cách hiệu quả. Đặc biệt, người học đánh giá được những tác động của du lịch đến các điểm tài nguyên ở các mặt khác nhau và đưa ra được các giải pháp khắc phục những tác động tiêu cực từ du lịch lên điểm tài nguyên đó.</p>	31821708	2	
	Quy hoạch du lịch	<p>Quy hoạch du lịch là một môn học rất quan trọng, không thể thiếu trong chương trình học của các trường Cao Đẳng, Đại học Du lịch, các trường có Khoa đào tạo du lịch, Khoa Địa Lý, Việt Nam học...</p> <p>Học phần này bao gồm các nội dung chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở và điều kiện quy hoạch du lịch - Dự báo nhu cầu phát triển du lịch - Tác động của hoạt động du lịch đến môi trường. - Quy hoạch du lịch ở vùng biển, vùng nông thôn, vùng ven đô và ở vùng núi. 	31821661	2	
	Kinh tế du lịch	<p>Đây là môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức quan trọng của du lịch liên quan đến khía cạnh kinh tế. Bên cạnh các vấn đề chung liên quan đến du lịch, môn học nhấn mạnh đến các yếu tố về sản phẩm du lịch, đánh giá trọng lượng kinh tế du lịch trong nền kinh tế quốc gia, điều kiện để phát triển du lịch, nguồn</p>	31831336	3	

		nhân lực, tính thời vụ trong du lịch... Qua đó, người học có cái nhìn toàn diện về du lịch, đặc biệt những nội dung liên quan đến kinh tế.			
27	Luật Du lịch	<p>Học phần Luật du lịch cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến hệ thống quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến các địa phương; Những nội dung của Luật Du lịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Du lịch hiện nay.</p> <p>Học phần còn sử dụng nhiều bài tập tình huống liên quan đến các lĩnh vực du lịch, giúp sinh viên chủ động, biết cách xử lý các khiếu nại, khiếu kiện có liên quan đến lĩnh vực du lịch.</p>	31921431	2	
28	Tổng quan ngành lưu trú	<p>Học phần này bao gồm những nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản, các đặc điểm và xu hướng phát triển cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngành lưu trú. - Học phần đi sâu vào phân tích những đặc trưng của các loại hình cơ sở lưu trú ở Việt Nam như khách sạn, làng du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch... và vấn đề xếp hạng cơ sở lưu trú. Học phần cũng tập trung vào làm rõ các sản phẩm lưu trú và hoạt động kinh doanh sản phẩm lưu trú. - Ngoài ra, học phần còn trình bày một số vấn đề về tổ chức doanh nghiệp lưu trú và quản lý nhà nước ngành lưu trú. 	31921913	2	
29	Marketing du lịch	<p>Nội dung cơ bản của môn học bao gồm: Tổng quan về marketing và marketing du lịch, sản phẩm dịch vụ du lịch, giá cả, hệ thống phân phối, chiêu thị, thiết lập kế hoạch trong du lịch, tổ chức bộ phận marketing và quản trị nhân lực bán hàng, tiến trình bán hàng, bán sản phẩm và dịch vụ trọn gói chương trình du lịch.</p>	31831457	2	
30	Thiết kế và điều hành	<p>Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ thiết kế và điều hành một tour du lịch. Giới thiệu cho sinh viên những công việc</p>	31921913	2	

	chương trình du lịch	<p>cơ bản của công tác thiết kế và điều hành du lịch. Sau khi kết thúc môn học sinh viên có kiến thức về việc xây dựng tour du lịch, các phương pháp định giá tour cũng như các biện pháp tổ chức xúc tiến và bán tour du lịch. Bên cạnh đó, sinh viên còn được trang bị kiến thức về điều hành và quản lý các chương trình du lịch.</p> <p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận dạy học: Khái quát về quá trình dạy học như khái niệm, bản chất, động lực, logic của quá trình dạy học; nguyên tắc dạy học; nội dung dạy học; phương pháp dạy học; hình thức tổ chức dạy học;</p> <p>- Một số vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục như: Khái quát về quá trình giáo dục như khái niệm, bản chất, đặc điểm, động lực, logic của quá trình giáo dục; nguyên tắc giáo dục; nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.</p> <p>- Chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp trong trường phổ thông.</p>			
31	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	<p>Đây là học phần đặc biệt quan trọng của chuyên ngành du lịch, vì vậy được học sau các môn chung. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức sâu hơn về ngành du lịch. Những tác động đến hoạt động hướng dẫn, những yêu cầu đối với một hướng dẫn viên. Sinh viên được cung cấp kiến thức về các bước của quy trình hướng dẫn du lịch cũng như các kỹ năng xử lý tình huống trong quá trình hướng dẫn của mình. Môn học gồm các nội dung cơ bản: Tổng quan về hoạt động hướng dẫn du lịch, Tổ chức thực hiện chương trình du lịch, Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch, Xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.</p>	31841487	4	
32	Tổ chức sự kiện	<p>Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác tổ chức sự kiện như: quy trình tổ chức, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tổ chức sự kiện; công tác lập kế hoạch, triển khai giám sát, xử lý tình huống trong quá trình tổ chức một số</p>	31821898	2	

		sứ kiện phổ biến và các kỹ năng cần thiết cho quá trình tổ chức sự kiện.			
33	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	<p>Học phần Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch nằm trong hệ thống các môn khoa học nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân lực cho ngành du lịch. Học phần giúp cho sinh viên có được hệ thống các kiến thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản để sử dụng trong cuộc sống hàng ngày và trong hoạt động kinh doanh du lịch.</p> <p>Học phần gồm 2 phần: Phần 1: Lý luận cơ bản về giao tiếp. Phần này trình bày những vấn đề cơ bản nhất về giao tiếp như: khái niệm chung về giao tiếp, những yếu tố tâm lý trong giao tiếp, các loại hình giao tiếp, các phương tiện giao tiếp, các giai đoạn của quá trình giao tiếp. Phần 2: Giao tiếp trong kinh doanh du lịch. Phần này bao gồm 2 chương. Chương 1 trình bày về các nguyên tắc và phong cách giao tiếp trong kinh doanh du lịch. Chương 2 trình bày một số kỹ năng giao tiếp cơ bản trong kinh doanh du lịch.</p>	32031073	3	
34	Nghiệp vụ nhà hàng	<p>Nội dung môn học chủ yếu đề cập đến các kiến thức liên quan đến các loại nhà hàng, vị trí, vai trò của nhà hàng, cơ cấu tổ chức trong nhà hàng, cách bố trí trang thiết bị, dụng cụ trong nhà hàng, cách lập kế hoạch và tổ chức mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu, cách tổ chức nhân sự, tính toán được các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận và dự báo kết quả kinh doanh nhà hàng. Liên quan đến phần thực hành, sinh viên được trang bị các nghiệp vụ trong một nhà hàng ở các vị trí công việc khác nhau cũng như cách xử lý các tình huống thường xảy ra trong nhà hàng.</p>	31821075	2	
35	Nghiệp vụ khách sạn	<p>Học phần Nghiệp vụ khách sạn trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn cùng các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành dịch vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên</p>	31831488	3	

		môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn quy định.			
36	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về ngành du lịch, đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học, để từ đó ứng dụng vào công tác dịch thuật hoặc các công việc chuyên môn liên quan đến ngành du lịch.	31821155	3	
37	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Là học phần nâng cao và mở rộng kỹ năng hơn của tiếng Anh du lịch 1. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng chuyên sâu về các tình huống trong hoạt động du lịch. Qua đây, sinh viên có thể sử dụng thành thạo được tiếng Anh và có thể áp dụng cho công việc sau này.	31821556	2	
HỌC PHẦN TỰ CHỌN					
38	Lịch sử kiến trúc Việt Nam	Lịch sử kiến trúc Việt Nam là một môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về hoàn cảnh xuất hiện và quá trình phát triển nền kiến trúc Việt Nam; vật liệu và phương thức xây dựng kiến trúc cổ truyền Việt Nam; kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ và các công trình tiêu biểu. Bên cạnh đó cung cấp cho sinh viên những kiến thức sơ lược về lịch sử kiến trúc Phương Đông, tiêu biểu là kiến trúc Trung Quốc và Nhật Bản từ đó đưa ra được những so sánh về các nền kiến trúc cổ. Ngoài ra môn học còn giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản về bản vẽ trong kiến trúc để có thể phát triển môn học trong tương lai.	31821409	3	
39	Lịch sử tư tưởng	Môn học Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam gồm hai phần: Lịch sử tư tưởng phương Đông và lịch sử tư tưởng Việt Nam. Môn học gồm các nội dung	31831418	3	

	phương Đông	<p>chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời, các giai đoạn phát triển và những nội dung chủ yếu của các trường phái tư tưởng chủ đạo ở Trung Quốc (Âm dương gia, Nho gia, Đạo gia, Mặc gia, Pháp gia), Ấn Độ (Bàlamôn giáo, Phật giáo) và Ả Rập (Hồi giáo). - Quá trình truyền bá, các giai đoạn phát triển và việc tiếp thu, tiếp biến nội dung của một số tư tưởng chính trị ở Việt Nam (như tư tưởng Nho giáo, tư tưởng dân chủ tư sản, tư tưởng Mác-Lênin) và một số tư tưởng tôn giáo (Phật giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo, Phật Hòa Hảo, đạo Cao Đài). 			
40	Phát triển du lịch bền vững	<p>Phát triển du lịch bền vững là môn học lý thuyết dành cho sinh viên chuyên ngành Việt Nam học (chuyên ngành Văn hóa du lịch), Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.</p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ.</p> <p>Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.</p>	31821551	2	
41	Thị trường du lịch	<p>Thị trường du lịch là học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết thị trường du lịch, những vấn đề liên quan đến cung và cầu du</p>	31821749	2	

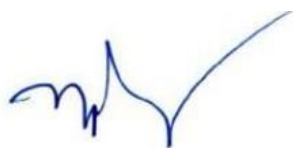
		<p>lịch, những thông tin cần thiết về thị trường du lịch thế giới, Asean và Việt Nam. Trên cơ sở đó tạo điều kiện nền tảng cho người học có những kiến thức toàn diện về du lịch của thế giới và Việt Nam giúp họ tiếp tục nghiên cứu các học phần chuyên môn có hiệu quả hơn và có thể làm việc tốt hơn sau khi ra trường.</p>			
42	Du lịch làng nghề	<p>Học phần này bao gồm những nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày vắn tắt một số thuật ngữ có liên quan đến làng nghề và đặc điểm, tiêu chuẩn làng nghề truyền thống Việt Nam. Sau đó đi sâu vào trình bày lịch sử hình thành, phát triển của làng nghề Việt Nam cũng như thực trạng phát triển của làng nghề Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó đề ra một số định hướng để phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam. - Nội dung chính của học phần là tập trung vào phân tích tiềm năng và thực trạng của du lịch làng nghề ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển du lịch Việt Nam và du lịch trên thế giới nói chung. Từ đó rút ra một số định hướng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam trên kinh nghiệm phát triển du lịch làng nghề của một số quốc gia. - Bên cạnh những vấn đề lý luận chung, học phần còn đưa đến một bức tranh cụ thể về một số làng nghề đã và đang phát triển gắn với du lịch một cách hiệu quả ở Việt Nam (làng nghề du lịch Bát Tràng, Vạn Phúc, Non Nước, Trà Quế, Tương Bình Hiệp...). 	31831221	3	
43	Du lịch sinh thái	<p>Du lịch sinh thái bao gồm những nội dung sau đây: Trình bày những nội dung liên quan đến khái niệm du lịch sinh thái, trong đó có các phần như điều kiện hình thành du lịch sinh thái, yêu cầu của du lịch sinh thái, quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái; đánh giá tác động môi trường một khu hay một tour du lịch sinh thái; hướng dẫn viên du lịch sinh thái; tiềm năng và hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch sinh</p>	31931222	3	

		thái ở Việt Nam.			
44	Các nền văn minh thời cổ trung đại trên đất nước Việt Nam	Nội dung học phần bao gồm phần khái quát về lịch sử văn hoá, văn minh ở Việt Nam, các nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, văn minh Đại Việt, văn minh Champa và văn hoá các dân tộc ít người.	31831037	3	
45	Địa danh học và địa danh Việt Nam	Học phần này bao gồm những nội dung chính sau: - Phần thứ nhất: lý thuyết chung về địa danh học, xác lập các khái niệm, các đặc trưng, lịch sử vấn đề, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của học phần. - Phần thứ hai: Đặc điểm của địa danh Việt Nam, phân loại và miêu tả địa danh Việt Nam trên hai phương diện ngôn ngữ học và văn hóa học với hai bình diện phổ quát và cụ thể.	31931169	3	
46	Văn hóa biển đảo ở Việt Nam	Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống đảo, hải đảo của Việt Nam, văn hóa duyên hải và tổng thể văn hóa biển đảo ở Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của văn hóa biển đảo Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Những đặc điểm cơ bản của văn hóa biển đảo Việt Nam cũng như vai trò, tác động của nó trong lịch sử, văn hóa dân tộc trong quá khứ, hiện tại lẫn tương lai.	31831941	3	
47	Văn hóa dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Trong thời gian tiến hành khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải thu thập đầy đủ và chi tiết các tài liệu cần thiết về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu; đồng thời phải có đủ các tài liệu, số liệu về hướng nghiên cứu của đề tài.	31831944	3	

48	Khóa luận tốt nghiệp	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây thời cổ trung đại là học phần tự chọn bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo của ngành Cử nhân Lịch sử. Học phần giúp nắm rõ quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa Đông - Tây thời cổ trung đại. Nội dung chính của học phần gồm con đường, quá trình, trạng giao lưu, các biểu hiện giao lưu tiếp biến văn hóa Đông - Tây thời cổ trung đại.	30361338		31841422
				6	

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2019

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Duy Phương

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lưu Trang

